



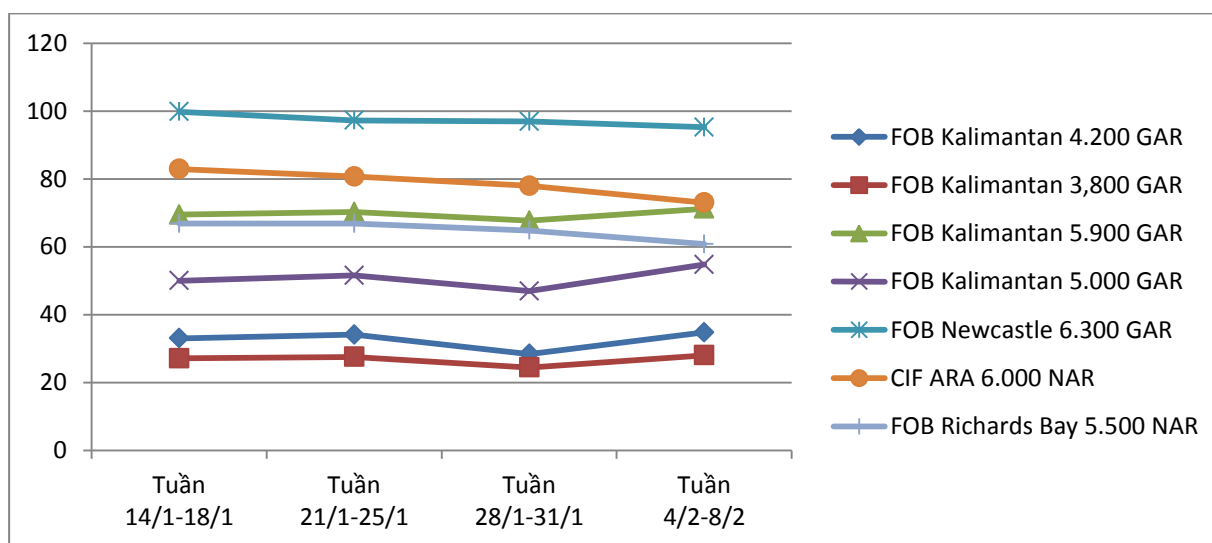
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**  
**BẢN TIN THAN TUẦN 1 - THÁNG 2**  
 (Từ 4/2 – 8/2)

## I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

### 1. GIÁ THAN KHU VỰC

*Đơn vị tính: USD/tấn*

Chỉ số giá	Tuần 14/1-18/1	Tuần 21/1-25/1	Tuần 28/1-31/1	Tuần 4/2-8/2
FOB Kalimantan 4,200 GAR	33	34,08	28,36	34,75
FOB Kalimantan 3,800 GAR	27,1	27,53	24,4	28
FOB Kalimantan 5,900 GAR	69,45	70,23	67,65	71,20
FOB Kalimantan 5,000 GAR	50	51,53	46,90	54,75
FOB Newcastle 6,300 GAR	99,8	97,22	96,91	95,23
CIF ARA 6,000 NAR	82,9	80,7	77,96	73,02
FOB Richards Bay 5,500 NAR	66,81	66,81	64,77	60,8
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	99,30	99,30	99,66	96,92



**Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 1 tháng 2 (2019)**

*(Nguồn: Platts Coal Trader International)*

## 2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 1 tháng 2	4/2	5/2	6/2	7/2	8/2
<b>Tàu Capesize (150,000 tấn)</b>						
1	Úc – Trung Quốc	N/A	N/A	N/A	5,85	6,00
2	Queensland – Nhật Bản	N/A	N/A	N/A	6,45	6,60
3	New South Wales – Hàn Quốc	N/A	N/A	N/A	7,30	7,45
<b>Tàu Panamax (70,000 tấn)</b>						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	9,90	9,90
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	6,80	7,00
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	9,90	9,95
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	5,60	5,80
5	Úc - Trung Quốc	N/A	N/A	N/A	9,70	9,70
6	Úc - Ấn Độ	N/A	N/A	N/A	10,85	10,85

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

## II. ĐIỂM TIN

### Lượng than bitum nhập khẩu của Nhật Bản trong năm 2018 đạt kỷ lục 104,76 triệu tấn

Nhật Bản đã nhập khẩu 104,76 triệu tấn than bitum trong năm 2018, tăng 1% so với năm 2017, theo dữ liệu Hải quan đưa ra trong thứ 3 (5/2). Đây là mức cao nhất tính từ lúc S&P Global Platts bắt đầu thu thập dữ liệu trong năm 2017. Trong đó than nhiệt Australia chiếm 77%, tương đương 81,14 triệu tấn, giảm 2% so với năm 2017, mặc dù các công ty Nhật Bản tiếp tục chọn than Newcastle 6.000 kcal/kg là nguồn than nhiệt chính sử dụng cho các NMNĐ. Lượng than nhập khẩu từ các nguồn khác không có nhiều thay đổi trong năm 2018, do khách hàng Nhật Bản nổi tiếng bảo thủ khi tiếp cận hoạt động mua bán than, và đặt việc đảm bảo nguồn cung quan trọng hơn giá cả. Nhập khẩu than từ Nga đạt 11,16 triệu tấn, tăng 6% so với năm 2017 và là mức cao nhất từ lúc Platts bắt đầu thu thập dữ liệu. Nhập khẩu từ Indonesia đạt 6,69 triệu tấn, tăng 11% so với năm 2017. Nhập khẩu than sub-bitum chất lượng thấp đạt 8,89 triệu tấn, giảm 16% so với năm 2017, điều này thể hiện việc Nhật Bản tập trung nhập khẩu than nhiệt chất lượng cao.

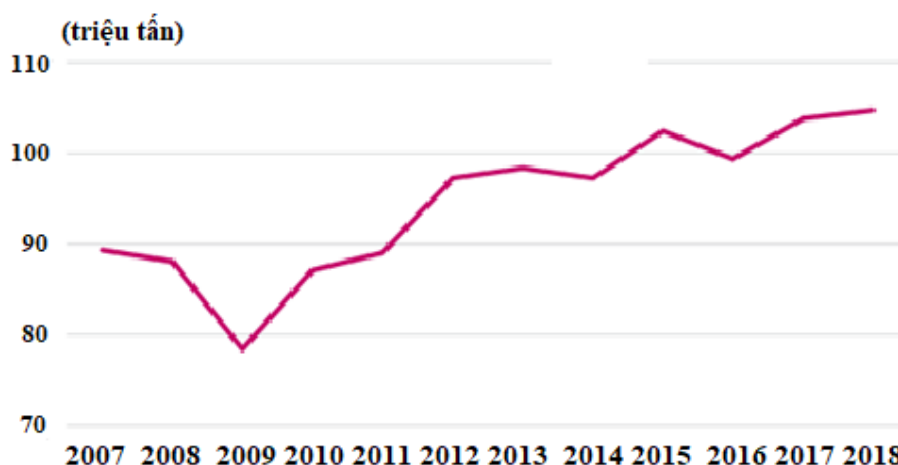
Lượng than tiêu thụ tại Nhật Bản bắt đầu tăng sau thảm họa Fukushima năm 2011, sau đó hầu hết các nhà máy năng lượng hạt nhân đều đóng cửa. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, các nhà hoạch định chính sách bắt đầu thực hiện các bước đi nhằm khởi động lại một số nhà máy điện hạt nhân trong nước. Platts Analytics dự đoán sẽ có một số nhà máy điện hạt nhân được tái khởi động trong hai năm tới, ảnh hưởng đến tỷ lệ điện than trong hỗn hợp năng lượng. Điều này kết hợp với việc chỉ một số ít NMNĐ mới được đưa vào hoạt động, có thể khiến tổng khối lượng than bitum nhập khẩu của năm 2018 ở mức cao nhất Nhật Bản từng ghi nhận.

### Nhập khẩu than bitum nhập khẩu của Nhật Bản trong năm 2018

Nguồn	Nhập khẩu năm 2018 (triệu tấn)	Thay đổi so với năm trước (%)
Australia	81.136.126	-2
Nga	11.161.008	6
Indonesia	6.689.643	11
Mỹ	2.692.868	47
Canada	1.928.026	23
Colombia	692.055	144
Trung Quốc	256.260	-50
Nam Phi	134.702	115

Mexico	72.469	n/a
<b>Tổng</b>	<b>104.763.157</b>	<b>1</b>

### Lượng than bitum nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm



(Nguồn: Bộ Tài chính Nhật Bản)

### Lượng than vận chuyển của tập đoàn NCSP (Nga) trong năm 2018 đạt 1,44 triệu tấn

Tập đoàn Novorossiysk Commercial Sea Port (NCSP), công ty kinh doanh cảng biển lớn nhất của Nga đã công bố lượng than vận chuyển trong năm 2018 chỉ đạt 1,44 triệu tấn, giảm 28% so với năm 2017, theo dữ liệu đưa ra trong thứ 4 (13/2). Công ty quản lý cảng Novorossiisk ở Biển Đen và các cảng tại Baltic, báo cáo khối lượng than vận chuyển trong tháng 12/2018 đạt 79.000 tấn, giảm 28% so với tháng 11 và giảm 42% so với cùng kỳ năm 2017. Các khách hàng Thổ Nhĩ Kỳ giảm mua than do đồng lira của Thổ Nhĩ Kỳ mất giá, từ đó khiến hoạt động vận chuyển than trở nên trì trệ. Các thị trường lớn như Thổ Nhĩ Kỳ cũng thay thế than Nga nhập khẩu bằng nguồn than rẻ hơn, chất lượng thấp hơn, chủ yếu là than nội địa, hoặc than cốc dầu mỏ.

### Lượng than xuất khẩu từ Ust-Luga năm 2018 giảm, Vostochny tăng

Cảng than Ust-Luga, cảng than lớn nhất phục vụ khu vực Baltic đã xuất khẩu được 19,9 triệu tấn than năm 2018. Con số này giảm 20% so với năm 2017, nhưng cao hơn 10% so với năm 2016. Con số này đạt 105% mục tiêu của cảng trong năm 2018. Việc nâng cấp và thay thế thiết bị cũ đã ảnh hưởng đến công suất trong phần lớn năm 2018. Cảng than Vostochny, cảng lớn nhất phục vụ thị trường Thái Bình Dương, đã xuất khẩu 24,2 triệu tấn than trong năm 2018, tăng 4,3% so với năm 2017. Trong số này Hàn Quốc chiếm 32% và các thị trường lớn khác là Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan, Việt Nam và Singapore.

### Indonesia nâng sản lượng than các công ty phải cung ứng cho thị trường trong nước

Các công ty sản xuất than tại Indonesia sẽ phải nâng cao phần đóng góp của mình cho thị trường nội địa trong năm 2019, phát ngôn viên của Bộ Năng lượng và Khoáng sản cho biết trong thứ 5 (14/2). Mức DMO (Domestic Market Obligation) trong năm 2019 là 128 triệu tấn, tăng từ 121 triệu tấn trong năm 2018. Bộ đặt sản lượng than mục tiêu trong năm 2019 là 490 triệu tấn, điều này có nghĩa các công ty than sẽ phải cung ứng khoảng 26% sản lượng cho nội địa. So sánh với sản lượng mục tiêu 485 triệu tấn trong năm 2018, đồng nghĩa với việc các công ty than chỉ phải cung cấp 25% sản lượng than trong năm 2018 theo DMO.

Mức DMO được nâng lên để đáp ứng nhu cầu than trong nước dự kiến sẽ tăng cao trong năm nay, trong đó chủ yếu là ngành điện lực, được dự báo sẽ tiêu thụ khoảng 95,73 triệu tấn than, thông tin theo Bộ. Indonesia dự kiến sẽ có thêm khoảng 615 MW công suất điện than đi vào hoạt động trong năm 2019, mức công suất lắp đặt hiện tại là 29.759 GW, theo dữ liệu của S&P Global Platts World Electric Power Plants. Sự điều chỉnh DMO bắt nguồn từ vấn đề đầu cơ tích trữ than diễn ra rộng rãi tại thị trường Indonesia trong năm nay. Trong đầu tuần qua, Bộ cho biết đã phạt các công ty mỏ không hoàn thành chỉ tiêu DMO trong năm 2018.

(Nguồn: S&P Global Platts)